

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2024
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thêu và bà Hoàng Thị Len

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

Thái Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tuyết M, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; địa chỉ hiện nay: Umiga shi 2-1-27, Umi machi, Kasuya gun, Fukuoka ken, Nhật Bản. Có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M: Chị Vi Thị Minh H1; địa chỉ: số 168A, đường L, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có đơn xin vắng mặt.

1.2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết M trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/4/2013. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời dẫn đến nợ nần và đã tự bỏ nhà đi, không chăm sóc con cái, không thăm nom hay liên lạc về nhà. Từ tháng 5/2023, chị M đi lao động tại Nhật Bản nên chị M và anh H không còn chung sống và cũng không còn giữ liên lạc với nhau. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

1.2. Về con chung: Chị M và anh H có 2 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/8/2012 và cháu Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 30/3/2014. Hiện tại, các cháu đang sống cùng ông bà nội và anh H. Ly hôn, chị M đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của hai con chung, nếu cháu V, cháu P lựa chọn ở với anh H thì đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

1.3. Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh như chị M trình bày là đúng. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân thời gian dài nên chị M xin ly hôn anh thì anh H đồng ý.

2.2. Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị M trình bày là đúng. Anh H đề nghị được nuôi hai con chung theo nguyện vọng của các con và đồng ý với quan điểm của chị M về việc chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/1 cháu. Tuy nhiên, anh H đề nghị, từ thời gian chị M đi xuất khẩu lao động tháng 5/2023, thì không đóng góp tiền để chăm sóc nuôi con chung, nên anh H yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5/2023 và đề nghị chị M

thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con một lần cho anh H, bởi từ lâu chị M không liên lạc gì về với gia đình, con cái nên nếu cấp dưỡng theo tháng thì không có gì đảm bảo về việc chị M thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Thời điểm chị M đi xuất khẩu lao động, anh H phải vay tiền của nhiều người để lo cho chị M đi. Vì vậy, anh H đề nghị chị M phải có trách nhiệm trả nợ chung khoản vay này. Nếu yêu cầu giải quyết khoản nợ chung này của anh H không được chấp nhận thì anh sẽ yêu cầu giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

3. Cháu Nguyễn Quốc V và cháu Nguyễn Thị Trúc P là con chung của chị M và anh H trình bày: Hiện tại hai cháu đang sống cùng bố và ông bà nội. Nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Đỗ Thị Tuyết M được ly hôn anh Nguyễn Quốc H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/8/2012 và cháu Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 30/3/2014 cho anh Nguyễn Quốc H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 03/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đồng ý với yêu cầu của anh H về việc yêu cầu chị M phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con một lần. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của anh H đưa ra tại phiên toà sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì yêu cầu của anh H không được đưa ra trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Mặt khác, anh H khai chưa trả các khoản nợ này cho những người cho vay, nên anh H không có quyền yêu cầu giải quyết khoản nợ chung này. Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Quốc H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị M có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị M là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Tuyết M hiện đang ở Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/4/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh H đều xác định tình trạng mâu thuẫn của hai vợ chồng đã phát sinh từ cuối năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề nợ nần của anh H. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023. Chị M cho rằng chị không còn tình cảm với anh H, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa, anh H đồng ý ly hôn với chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, xử cho chị M ly hôn anh H là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/8/2012 và cháu Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 30/3/2014. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở với anh H, anh H cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị M đưa ra. Vì vậy, có căn cứ để xử: Giao cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Anh H yêu cầu chị M cấp dưỡng một lần cho hai con nhưng hiện tại chị M đang ở nước ngoài, không có quan điểm của chị M cũng như không có căn cứ nào để xác định về khả năng cấp dưỡng một lần của chị M theo yêu cầu của anh H, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần mà chấp nhận yêu cầu của chị M về việc cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1

tháng/1 cháu kể từ tháng 3/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Việc anh H cho rằng chị M phải cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5/2023 vì từ thời điểm này chị M đi lao động ở nước ngoài không gửi tiền về nuôi dưỡng con chung thì không được chấp nhận, bởi Tòa án chỉ giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con kể từ thời điểm Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[4] Về tài sản: Chị M, anh H đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Tại phiên tòa, anh H mới yêu cầu xem xét giải quyết về khoản nợ chung của vợ chồng do anh H vay để cho chị M đi nước ngoài. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh H bởi tại phiên tòa anh H mới đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng, mặt khác anh H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào ngoài lời khai của anh H về các khoản nợ chung này. Tuy nhiên, anh H vẫn có quyền yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện khởi kiện.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Tuyết M được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Xử cho anh Nguyễn Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 27/8/2012 và cháu Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 30/3/2014. Chị Đỗ Thị Tuyết M phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu từ tháng 3/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị M, anh H có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản: Chị M và anh H không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Anh H có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đủ điều kiện khởi kiện.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000028 ngày 30 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Đỗ Thị Tuyết M.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quốc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 14/3/2024. Chị Đỗ Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà